

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 1543 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất sét làm nguyên liệu gạch, ngói tại xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất sét làm nguyên liệu gạch, ngói tại xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 28/CV-ĐTM ngày 10/6/2024 của Công ty Cổ phần Tây Nghệ về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3931/STNMT-BVMT ngày 14/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất sét làm nguyên liệu gạch, ngói tại xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) do Công ty Cổ phần Tây Nghệ làm Chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Anh Sơn; Chủ tịch UBND các xã: Cẩm Sơn, Tường Sơn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /T

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



***Nguyễn Văn Đệ**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác mỏ đất sét làm nguyên liệu gạch, ngói
tại khu vực xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn,
Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An**

*(kèm theo Quyết định số 1543/QĐ-UBND
ngày 20 / 6 / 2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: khai thác mỏ đất sét làm nguyên liệu gạch, ngói tại xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm thực hiện: xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Tây Nghệ.

- Trụ sở chính: xóm Kẽ May, xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án đã được UBND tỉnh Nghệ An công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 19/3/2021; chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 09/3/2023; chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 với diện tích 4,8668ha.

- Quy mô dự án: dự án khai thác trên diện tích 4,668ha, khu phụ trợ được bố trí trong khu vực ranh giới mỏ hình thức cơ động theo tiến độ sử dụng.

Theo Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh Nghệ An tổng trữ lượng đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói cấp 121+122 là: 335.243m³, trong đó trữ lượng cấp 121 là 133.106m³; trữ lượng cấp 122 là 202.137m³. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt là +11m.

- Công suất dự án:

+ Năm thứ nhất khai thác với công suất: 8.700m³ nguyên khai/năm (6.744m³ nguyên khối /năm);

+ Từ năm thứ 02 đến năm thứ 26 khai thác với công suất: 14.500m³ nguyên khai/năm (11.240,3 m³ nguyên khối/năm);

+ Năm thứ 27 khai thác với công suất: 9.993,7m³ nguyên khai/năm (7.747,50m³ nguyên khối/năm).

- Tuổi thọ dự án là 27 năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ khai thác: khai thác khoáng sản lộ thiên, sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược dung tích gàu $\geq 1,08\text{m}^3$ xúc đào trực tiếp và chất lên phương tiện vận tải ô tô ben tự đổ, tải trọng 15 tấn.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- Mở vỉa: mở vỉa từ mỏ đến nhà máy của Công ty Cổ phần Tây Nghệ tại code +21m, điểm A tại phía Tây Bắc khai trường có tọa độ (X= 2099461, Y = 525881); điểm B nằm trong khai trường, tọa độ (X= 2099387, Y = 525337).

- Tuyến đường vận chuyển: thi công tuyến đường dài 113m, chiều rộng 5m, chiều dài 21,6m. Khối lượng đắp đường là 440m^3 .

- Diện khai thác đầu tiên: được mở tại vị trí phía Tây Bắc khai trường code cao +17m, diện tích: 2.535m^2 . Khối lượng thi công diện khai thác đầu tiên: 7.605m^3 .

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Mặt bằng khu vực phụ trợ phía Tây của khu mỏ có diện tích 3.500m^2 , ở cao độ cosd +20m. Khối lượng đào và đắp tại chỗ là 1.400m^3 ;

- Các hạng mục công trình: 02 container 20ft để bố trí nhà trực ca, nhà kho vật tư, kho chất thải, nhà vệ sinh; bãi tập kết sét: 3.274m^2 ; bãi tập kết thiết bị: 160m^2 ; hồ lắng phụ trợ: 36m^2 .

1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Công trình thu gom và thoát nước:

+ Hồ lắng bãi tập kết sét tại phía Tây dự án (nằm trong ranh giới mỏ): 36m^2 , chiều rộng 6m, chiều dài 6m, chiều sâu 3m;

+ Hồ lắng tại phía Tây Bắc khai trường (nằm trong ranh giới mỏ): có chiều dài 20m, chiều rộng 20m, sâu 2m so với cosd khai thác;

+ Rãnh thoát nước quanh đê theo tiết diện hình thang rộng mặt 0,7m, rộng chân 0,4m, sâu 0,5m, dài 968m; rãnh thoát nước theo đường nội mỏ rộng mặt 0,4m, rộng đáy 0,2m, sâu 0,3m dài 113m; định kỳ 1 tháng/lần nạo vét, khơi thông dòng chảy;

+ Lắp đặt nhà vệ sinh di động cho cán bộ, công nhân tại khu vực phụ trợ với kích thước: rộng 1m, dài 1,5m, cao 2,52m; vật liệu Composite; nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dũ trữ.

- Công trình xử lý, giảm thiểu bụi: xây dựng 01 bể nước và điểm xịt rửa bánh xe ở khu vực cổng ra vào mỏ; kết cấu bằng bê tông xi măng, kích thước dài 12m x rộng 5m x sâu 0,3m.

- Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:
- + Đối với chất thải sinh hoạt: bố trí 03 thùng composites có nắp đậy, dung tích 40 lít, đặt tại container khu vực phụ trợ;
- + Đối với chất thải nguy hại: bố trí 03 thùng composites dung tích 100 lít có nắp đậy, đặt tại container khu vực phụ trợ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyên mục đích sử dụng đất với 4,8668ha thuộc vùng đệm Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng khu vực phụ trợ: tác động đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực dự án. Bụi, tiếng ồn và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng không khí khu vực. Việc tập trung công nhân trong giai đoạn xây dựng phát sinh chất thải sinh hoạt và nước thải sinh hoạt có khả năng tác động đến môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn khai thác

- Hoạt động từ quá trình khai thác phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực dự án. Quá trình khai thác gây ảnh hưởng đến môi trường nước khi nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực dự án. Hoạt động của cán bộ công nhân viên phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và một số chất thải nguy hại.

- Hoạt động vận chuyển phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực tuyến đường vận chuyển.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn phát sinh 2.822 m³/ngày, thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh cao nhất khoảng 0,4m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

b. Giai đoạn khai thác:

- Nước mưa chảy tràn phát sinh 2.822 m³/ngày, thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh cao nhất khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải từ các hoạt động khác (xịt rửa bánh xe, tưới ẩm...), khối lượng phát sinh khoảng 0,5m³/ngày, nước thải này chủ yếu chứa các chất lơ lửng (SS), dầu mỡ từ quá trình rửa xe... Nồng độ hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải thấp.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng:

- Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và container lắp ghép công trình phụ trợ, đào đắp, san gạt, vận chuyển đất đá, một số loại khí thải phát sinh từ phương tiện sử dụng dầu diesel, thành phần gồm các khí SO₂, NO_x, CO, VOC...

- Phạm vi, quy mô tác động của bụi, khí thải chủ yếu ở khu vực dự án, khu vực xung quanh dự án, khu vực tuyến đường vận chuyển và xung quanh.

b. Giai đoạn khai thác:

- Bụi phát sinh do quá trình khai thác, quá trình xúc bốc và vận chuyển, một số loại khí thải phát sinh từ phương tiện sử dụng dầu diesel, thành phần gồm SO₂, NO₂, CO, C_xH_y; bụi (muội khói); andehit và các hợp chất hữu cơ khác...

- Phạm vi, quy mô tác động của bụi, khí thải chủ yếu ở khu vực dự án, khu vực xung quanh dự án, khu vực tuyến đường vận chuyển và xung quanh.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a. Giai đoạn xây dựng:

Chất thải rắn sinh hoạt gồm rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại từ hoạt động của công nhân trên khu vực dự án với khối lượng phát sinh khoảng 4 kg/ngày.

b. Giai đoạn khai thác:

Chất thải rắn sinh hoạt gồm rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại từ hoạt động của công nhân trên khu vực dự án với khối lượng phát sinh khoảng 7,2 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Giai đoạn xây dựng:

- Sinh khối phát quang từ thảm thực vật có khối lượng khoảng $68,75\text{m}^3$, chủ yếu cây bụi, cỏ dại...

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình đào, san gạt, thi công công trình: 7.965m^3 thành phần chủ yếu là đất sét.

b. Giai đoạn khai thác:

- Sinh khối phát quang từ thảm thực vật có khối lượng khoảng $417,9\text{m}^3$, chủ yếu cây bụi, cỏ dại, ...

- Chất thải rắn từ quá trình nạo vét hồ lắng, hồ lắng, mương thoát nước: $15\text{m}^3/\text{lần}$ (1 tháng nạo vét 1 lần);

- Thành phần, tính chất: bùn đất, đất rơi vãi có khả năng phát sinh bụi vào mùa khô và bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án: dầu thải 18 lít/quý (3 tháng), giẻ lau dính dầu mỡ 6kg/quý (3 tháng), bóng đèn huỳnh quang thải, pin... 1kg/quý.

b. Giai đoạn khai thác:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án: dầu mỡ thải 24 lít quý (3 tháng), giẻ lau dính dầu mỡ 16kg/quý (3 tháng), bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải 0,5kg/quý; pin, ắc quy thải 0,5kg/quý.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn do máy móc hoạt động khai thác, vận chuyển. Tiếng ồn phát ra từ động cơ và sự rung động của các bộ phận của xe, máy, cường độ âm thanh này thường nằm ở mức trung bình khoảng $75 \div 85 \text{ dBA}$. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA từ 21h-6h là 55dBA.

- Độ rung do các loại máy móc hoạt động khai thác, vận chuyển: độ rung chủ yếu tác động trong khu vực mỏ và trên tuyến đường vận chuyển. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB từ 21h-6h là 60dB.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái trong khu vực: các hoạt động của dự án sẽ gây biến dạng bề mặt địa hình, không thể tái tạo. Tuy vậy, xét chung về quy hoạch phát triển thì có thể chấp nhận được.

- Tác động đến các khu vực nhạy cảm về môi trường: dự án nằm trong vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An. Tuy nhiên diện tích dự án nhỏ, cách xa vùng Lõi của khu dự trữ sinh quyển, hệ sinh thái trong khu vực hầu như không có các loài động vật quý hiếm do đó không ảnh hưởng nhiều đến Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An.

- Tác động đến xã hội: gia tăng chất thải được thải ra môi trường trong khu vực, tăng nguy cơ sự cố môi trường, mâu thuẫn giữa công nhân với dân địa phương. Diện tích đất của dự án là đất trồng cây hàng năm của địa phương do đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới thu nhập và việc làm của các hộ dân có diện tích trong dự án.

- Các dạng rủi ro, sự cố: sự cố sạt lở đất do mưa bão, thiên tai; sự cố do tai nạn lao động; sự cố về cháy nổ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Khai thác đến đâu đắp đê xung quanh mỏ đến đó, đắp đê cao hơn so với mức đỉnh lũ với kích thước như sau: rộng chân 3m, rộng mặt 1m, cao 1,5m;

+ Thi công rãnh thoát nước quanh đê theo tiết diện hình thang rộng mặt 0,7m, rộng chân 0,4m, sâu 0,5m, dài 968m; rãnh thoát nước theo đường nội mỏ rộng mặt 0,4m, rộng đáy 0,2m, sâu 0,3m dài 113m; định kỳ 1 tháng/lần nạo vét, khơi thông dòng chảy;

+ Lập hàng rào xung quanh mỏ bằng dây thép gai, cọc bê tông, trồng cây; phía Đông giáp đường giao thông lấp đặt tôn, chiều dài 270m, chiều cao 2,5m để đảm bảo an toàn cho người và gia súc, đồng thời làm hàng rào hồ lắng bằng dây thép gai, chiều dài 70m, chiều cao 2,5m;

+ Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, gia cố mặt bằng, taluy chống xói lở, rửa trôi; không hoạt động xây dựng, san gạt vào những ngày mưa;

+ Thi công hồ lắng phía Tây Bắc khai trường có diện tích 400m², chiều dài 20m, chiều rộng 20m, chiều sâu 2m so với mặt bằng khai trường, dung tích 800m³. Tiến hành thoát nước cưỡng bức, nước trong khai trường sẽ chảy về lắng tại hồ lắng khai trường và sau đó sử dụng máy bơm để bơm từ hồ lắng khai trường thoát về phía khe cạn phía Tây khu vực dự án;

+ Thi công hồ lắng nước khu vực phụ trợ: diện tích 36m², chiều dài 6m, rộng 6m, chiều sâu đào 3m, thể tích chứa là 108m³;

+ Định kỳ nạo vét hồ lắng, hồ lắng, mương thoát nước dọc đường mở mở 1 tháng/lần, bùn từ quá trình nạo vét đưa về bãi tập kết tận dụng làm nguyên liệu sản xuất.

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 1 nhà vệ sinh di động cho cán bộ, công nhân tại công trường, định kỳ hàng tháng thuê đơn vị có chức năng thu gom chuyên giao xử lý. Đối với nước thải vệ sinh tay chân, tắm giặt thu gom theo rãnh thoát nước vào hồ lắng tại khu vực phụ trợ lắng lọc tại hồ lắng rồi tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước thải từ các hoạt động khác (xịt rửa bánh xe, tưới ẩm...) được thu gom theo rãnh thoát nước, gom về hồ lắng khu vực phụ trợ lắng lọc tại hồ lắng rồi tuần hoàn tái sử dụng.

b. Giai đoạn khai thác:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tiếp tục sử dụng các công trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn đã được áp dụng từ giai đoạn xây dựng;

+ Tiếp tục đắp đê xung quanh mỏ đến đó để tránh nước mưa chảy tràn từ ngoài mỏ vào moong, đắp đê cao hơn so với mức đỉnh lũ với kích thước như sau: rộng chân 3m, rộng mặt 1m, cao 1,5m;

+ Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa trước và sau mưa;

+ Khơi thông rãnh thoát nước dọc đường nội mỏ, rãnh thoát nước qua khu vực dự án, định kỳ 1 tháng/lần;

+ Thực hiện khai thác theo hệ thống khai thác và trình tự khai thác đã được thiết kế và phê duyệt. Thực hiện khai thác đến đâu hết khoáng sản theo thiết kế đến đó, giảm thiểu bốc xúc, cày xới khai trường trên diện tích lớn;

+ Không hoạt động vào ngày có bão, lũ; di dời các thiết bị về vị trí an toàn;

+ Thực hiện nghiêm việc thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt. Tuyệt đối không để chất thải rắn, chất thải nguy hại rơi vãi hoặc lưu giữ chất thải trên khai trường;

+ Đối với tuyến đường vận chuyển, thường xuyên tu bổ tuyến đường đảm bảo tuyến đường không bị lầy lội vào mùa mưa; thực hiện nạo vét mương thoát nước hai bên tuyến đường nhằm đảm bảo thoát nước mưa phát sinh trên tuyến đường.

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 1 nhà vệ sinh di động cho cán bộ, công nhân tại khu vực phụ trợ, định kỳ hàng tháng thuê đơn vị có chức năng thu gom chuyên giao xử lý. Đối với nước thải vệ sinh tay chân, tắm giặt thu gom theo rãnh thoát nước vào hồ lắng tại khu vực phụ trợ lắng lọc tại hồ lắng rồi tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe được thu gom theo rãnh thoát nước, gom về hồ lắng khu vực phụ trợ lắng lọc tại hồ lắng rồi tuần hoàn tái sử dụng.

* Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý nước thải sinh hoạt; không được phép xả thải ra môi trường khi chưa xử lý;

- Việc xử lý nước thải từ dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng:

- Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, đảm bảo kín chắn, không làm toai đất trên diện rộng để giảm thiểu diện tích nguồn phát bụi.

- Thực hiện biện pháp làm sạch lốp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi: tiến hành lắp đặt 01 bể nước và điểm xịt rửa bánh xe ở khu vực công ra vào mỏ, kết cấu bằng bê tông xi măng, kích thước dài 12m x rộng 5m x sâu 0,3m.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động đặc biệt là khẩu trang chống bụi cho công nhân thi công trực tiếp.

- Khi chuyên chở các xe vận tải phải có bạt phủ kín thùng xe; không chở vượt khối thành xe tránh rơi vãi, gây bụi.

- Gia cố, làm sạch đường vận chuyển thường xuyên để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Vệ sinh tưới ẩm đường vận chuyển nội mỏ, các bãi san gạt nhiều bụi, các bãi xúc bốc và những vị trí nhiều bụi khác. Việc tưới ẩm dập bụi được thực hiện bằng xe tưới nước 2 lần/ngày căn cứ vào các vị trí nhiều bụi, cường độ phát sinh bụi và điều kiện thời tiết. Lượng nước dùng để tưới ẩm khoảng 2m³/ngày.

- Trồng cây xanh và làm hàng rào tôn phần ranh giới phía Đông khu vực dự án gần đường giao thông chiều dài 270m, chiều cao 2,5m để giảm thiểu bụi và cảnh quan khu vực dự án.

b. Giai đoạn khai thác:

- Tiếp tục thực hiện biện pháp làm sạch lốp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi: lắp đặt 01 bể nước và điểm xịt rửa bánh xe ở khu vực công ra vào mỏ, kết cấu bằng bê tông xi măng, kích thước dài 12m x rộng 5m x sâu 0,3m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm khẩu trang chống bụi, áo quần, mũ bảo hộ lao động.

- Phương tiện vận tải thực hiện theo yêu cầu của ngành giao thông vận tải.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển mỏ như gia cố đường, lu lèn tạo mặt phẳng bề mặt... để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng nóng, khô hanh và bùn lầy vào mùa mưa.

- Vệ sinh, tưới ẩm đường vận chuyển nội mô, các bãi san gạt nhiều bụi, các bãi xúc bốc và những vị trí nhiều bụi khác. Tần suất tưới ẩm là khoảng 2-3 lần/ngày tùy theo điều kiện thời tiết và hiện trạng đường vận chuyển. Lượng nước tiêu hao khoảng 1 m³/lần.

- Tiếp tục trồng cây xanh, hàng rào dây thép gai khu vực xung quanh mô với chiều dài 968m và làm hàng rào tôn phần ranh giới phía Đông khu vực dự án gần đường giao thông chiều dài 270m, chiều cao 2,5m để giảm thiểu bụi và cảnh quan khu vực dự án.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom giảm thiểu bụi, khí thải theo đúng quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt

a. Giai đoạn xây dựng:

Bố trí 03 thùng dung tích 40 lít có lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ UBND tỉnh Nghệ An, có nắp đậy để phân loại chất thải rắn tại nguồn, dán nhãn trên nắp thùng. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

- Chất thải thực phẩm: chuyển cho các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón theo quy định.

- Chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế như cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa carton... thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác: thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

b. Giai đoạn khai thác

- Tiếp tục sử dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng:

- Bố trí 03 thùng dung tích 40 lít có lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh Nghệ An, có nắp đậy để phân loại chất thải rắn tại nguồn, dán nhãn trên nắp thùng. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

+ Chất thải thực phẩm: chuyển cho các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón theo quy định;

+ Chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế như cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa carton... thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu;

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác: thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn là sinh khối phát quang với khối lượng là 68,75m³ được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt: đất thải được tận dụng vận chuyển về nhà máy sản xuất gạch ngói của chủ dự án, không có khối lượng phát thải ra môi trường.

b. Giai đoạn khai thác:

- Đối với chất thải rắn là sinh khối phát quang: khối lượng phát sinh trong giai đoạn này ít, được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình bốc xúc, vận chuyển, nạo vét từ hồ lắng, hố lắng và mương thoát nước được chủ đầu tư thu gom và vận chuyển về nhà máy sản xuất gạch ngói của công ty.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường trong quá trình thi công xây dựng và khai thác của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng:

- Hạn chế việc thay dầu máy móc tại khu vực mỏ mà đưa ra cơ sở sửa chữa thay dầu mỡ;

- Trong điều kiện phải sửa chữa máy móc tại chỗ thì phải trải bạt hứng dầu rò rỉ, thu gom hết dầu mỡ cặn, giẻ lau dính dầu mỡ đem bảo quản đúng nơi quy định chờ xử lý;

- Kho chứa chất thải nguy hại đặt tại container khu vực phụ trợ với diện tích khoảng 4m^2 , có cửa khóa và được cấm biển cảnh báo để chứa các loại chất thải nguy hại phát sinh;

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

b. Giai đoạn khai thác:

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại khu vực khai trường. Nếu phải sửa chữa máy móc tại chỗ thì phải trải bạt hứng dầu rò rỉ, thu gom hết dầu mỡ cặn, giặt lau dính dầu mỡ đem bảo quản đúng nơi quy định chờ xử lý;

- Sử dụng thùng thu gom riêng, dán mã đối với từng loại chất thải nguy hại;

- Sử dụng kho chất thải nguy hại đã xây dựng trong giai đoạn xây dựng cơ bản để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh;

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và khai thác Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân.

- Bố trí thời gian khai thác, vận chuyển vào ban ngày; không khai thác, vận chuyển vào buổi tối.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của nhà nước.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực khai trường:

Sau khi kết thúc khai thác, tiến hành san gạt đáy mỏ với chiều dày san gạt là $0,3\text{m}$; diện tích đáy mỏ là 39.076m^2 . Khối lượng san gạt là 11.723m^3 .

Thời điểm thực hiện: khi kết thúc khai thác.

b. Cải tạo bờ moong khai thác:

- Đắp bờ đê xung quanh moong khai thác tránh một phần nước mưa chảy tràn phía ngoài chảy vào mặt moong.

- Đê được đắp với các thông số như sau: chiều dài 968m; chiều cao 1,5m; chiều rộng mặt 1m, chiều rộng chân 3m. Khối lượng đắp đê là 2.904m^3 . Đất dùng để đắp đê sử dụng đất của mỏ.

- Xây dựng bậc tam cấp xung quanh đê: tiến hành xây dựng bậc tam cấp đổ bê tông có tay vịn xung quanh moong khai thác tại 3 phía là Phía Đông gần mốc số 4, phía Bắc gần mốc số 3 và phía Tây gần mốc số 1.

- Xây dựng đập tràn tự chảy phía Tây Bắc khu vực mỏ với các thông số như sau: tổng chiều dài mái đập là 12m (mỗi bên 6m), bề mặt dài 1m, rộng 3m, chiều dày đổ bê tông cấp phối là 0,3m. Tổng khối lượng đổ bê tông đập tràn là: $(12+1) \times 3 \times 0,3 = 5,2\text{m}^3$.

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

c. Trồng cây xung quanh moong và trồng cỏ trên bờ đê chống sạt lở:

- Trồng cây xanh ở mép ngoài chân đê với chiều dài cần trồng là 968m, rộng 1m, diện tích trồng cây là 968m^2 . Cây xanh được trồng là cây keo lá tràm mật độ 2.500cây/ha.

- Trồng cỏ trên mặt đê để chống sạt lở. Diện tích cần trồng cỏ là $1\text{m} \times 968\text{m} = 968\text{m}^2$.

- Khối lượng vận chuyển đất để đắp đê và trồng cây, cỏ là 2.904m^3 .

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

d. Làm hàng rào xung quanh moong:

- Nhằm giới hạn người và gia súc vào khu vực, tiến hành xây dựng hàng rào thép hộp mạ kẽm kích thước $2,5 \times 2,5\text{cm} \times 1,4\text{mm}$, xuyên qua cột bê tông kích thước $20 \times 20\text{cm}$, chiều cao 2.5m, chôn sâu 0,7m (cột bê tông đúc sẵn lỗ để xuyên hộp thép mạ kẽm). Các hộp thép mạ kẽm được thiết kế 03 hộp song song với nhau, giữa các khoảng thép hộp gia cố dây thép gai. Khoảng cách các cột trụ là 3m.

Chiều dài cần đóng cọc là 968m;

Số cọc cần phải đóng là: $968/3 = 322$ cọc;

Tổng chiều dài cọc là: $322 \times 2,5 = 805\text{m}$;

Khối lượng cột bê tông: $0,20 \times 0,20 \times 805 = 32,2\text{m}^3$;

Chiều dài thép hộp mạ kẽm sử dụng là: $968 \times 3 = 2.904\text{m}$;

Chiều dài dây thép gai sử dụng là: $968 \times 2 = 1.936\text{m}$;

Khối lượng dây thép gai sử dụng là: $1.936/9 = 215\text{kg}$ ($\Phi 2,2 \text{ mm}$: $1\text{kg} = \text{khoảng } 9\text{m}$);

Chiều dài đóng cọc bê tông là: $0,7 \times 322 = 225\text{m}$.

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

e. Cắm biển báo nguy hiểm:

- Cắm biển cảnh báo khu vực nguy hiểm với số lượng tổng là 19 biển báo, các biển cách nhau 50m. Làm biển báo bê tông cốt thép hình chữ nhật, có kích thước $0,6 \times 1\text{m}$, trụ bằng bê tông cốt thép cao $2,7\text{m}$.

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

f. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực phụ trợ:

- Tháo dỡ hạng mục công trình không còn sử dụng là container lắp ghép hoàn thiện - có thể di chuyển vì vậy công tác tháo dỡ là sử dụng máy cẩu và ô tô tháo dỡ các hạng mục công trình.

- Tháo dỡ hệ thống đường ống cung cấp nước với chiều dài khoảng: 200m .

- Tháo dỡ đường dây điện với chiều dài khoảng 200m .

- Phá dỡ các thiết bị vệ sinh.

- Khu vực phụ trợ nằm trong khu vực khai thác nên sẽ tiến hành cải tạo cùng với moong khai thác.

- Thời điểm thực hiện: kết thúc khai thác.

h. Công tác cải tạo khác:

Tiến hành tháo dỡ đường giao thông kết nối giữa mỏ tới nhà máy với chiều dài $21,6\text{m}$ với khối lượng đào bằng khối lượng đắp đường trong giai đoạn xây dựng là 440m^3 . Khối lượng này sẽ được tận dụng để đắp đê xung quanh mỏ. Tháo dỡ cống thoát nước cho dân tận dụng về làm vật liệu.

Thời điểm thực hiện: khi kết thúc khai thác.

4.4.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: $545.303.959$ đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm linh ba nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

- Số lần ký quỹ 27 lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: $81.795.594$ (đồng).

+ Từ lần thứ 2 đến lần thứ 27, mỗi lần ký quỹ với số tiền là: $17.827.245$ đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

- Thời điểm: thời điểm ký quỹ lần đầu thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở. Từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Nghệ An.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố tai nạn lao động:

+ Thi công khai thác đúng theo quy trình kỹ thuật, thiết kế khai thác đã được phê duyệt, thẩm tra của dự án;

+ Lập bảng nội quy an toàn lao động và đặt ở những khu vực dễ thấy, nhiều người qua lại... để mọi người biết và thực hiện;

+ Thực hiện đúng quy trình vận hành của từng loại máy móc thiết bị;

+ Trang bị đầy đủ và chất lượng đồ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân mang đầy đủ như: khẩu trang chống bụi, găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ...;

+ Trước ca làm việc cán bộ kỹ thuật, an toàn viên sẽ kiểm tra an toàn khu vực thi công, đảm bảo an toàn mới cho công nhân làm việc;

+ Tất cả lao động làm việc đều được tập huấn an toàn lao động theo đúng nghề nghiệp của mình và được khám sức khỏe định kỳ;

+ Các xe chở khi vận chuyển cần phải tuân thủ luật giao thông.

- Sự cố xói mòn, trượt lở bờ moong, hồ lắng:

+ Thi công đúng theo quy trình kỹ thuật, thiết kế khai thác đã được thẩm tra;

+ Thường xuyên kiểm tra khai trường, bờ moong trước mùa mưa và sau những ngày mưa lớn;

+ Theo dõi mọi hiện tượng diễn biến về thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để có biện pháp di chuyển toàn bộ máy móc ra khỏi khu vực khai thác khi xảy ra mưa lũ, gió bão;

+ Tiếp tục trồng cây và làm hàng rào xung quanh để đề phòng sự cố cho con người và vật nuôi.

- Sự cố do thiên tai thời tiết, khí hậu:

+ Thường xuyên cập nhật tin tức về dự báo thời tiết qua hệ thống báo đài, mạng internet... để có kế hoạch phòng tránh và đảm bảo an toàn;

+ Không làm việc trong điều kiện thời tiết nắng nóng khắc nghiệt, thời tiết mưa lớn, lũ, bão;

+ Trước mùa mưa bão phải kiểm tra, khai thông, gia cố hệ thống hồ lắng mương thoát nước, đảm bảo thoát nước tốt vào mùa mưa;

+ Phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết;

+ Lập phương án phòng chống lụt bão, liên hệ địa phương để phối hợp ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Sự cố cháy nổ:

+ Trước khi thi công tiến hành chặt phát quang thực vật; thu gom xử lý sinh khối phát quang, những chất dễ cháy được thu dọn;

+ Lập bảng nội quy quy định về phòng cháy chữa cháy;

+ Lập bảng nhân lực, chức năng, nhiệm vụ ứng phó sự cố cháy nổ;

+ Thường xuyên tuyên truyền ý thức, trách nhiệm của toàn thể các bộ, công nhân thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phòng chữa cháy;

+ Trong quá trình thi công nếu công nhân vô ý để xảy ra cháy nổ trong việc sử dụng lửa thì cá nhân tự chịu trách nhiệm trước pháp luật;

+ Phối hợp chặt chẽ với công an địa phương đảm bảo an ninh trật tự;

+ Các số điện thoại của chính quyền địa phương xã, huyện được cập nhật và thông báo cho nhau biết để tiện liên lạc.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng

Khuyến khích giám sát môi trường không khí:

- Nội dung giám sát: lượng phát sinh, nồng độ phát sinh.

- Chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.

- Vị trí: 01 vị trí tại khu vực khai thác.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05: 2023/BTNMT.

5.2. Giai đoạn khai thác

Khuyến khích giám sát môi trường không khí:

- Nội dung giám sát: lượng phát sinh, nồng độ phát sinh.

- Chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.

- Vị trí: 01 vị trí tại khai thác.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05: 2023/BTNMT.

5.3. Giám sát khác

- Nội dung: giám sát xói mòn, trượt lở, giám sát cháy nổ;

+ Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ;

+ Thời gian: giám sát hàng ngày.

- Nội dung: giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại.

+ Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực thực hiện dự án.

+ Nội dung giám sát: khối lượng phát sinh; phân loại các loại chất thải phát sinh và công tác thu gom, quản lý theo quy định.

+ Thời gian: giám sát hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và khai thác mỏ.

6.3. Chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế cơ sở; chỉ được xây dựng và khai thác trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.6. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.7. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền.

6.8. Thi công, hoàn thiện công trình chính, công trình phụ và công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công.

6.9. Cam kết thực hiện các nội dung theo đã thỏa thuận, thống nhất tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn và Công văn ý kiến tham vấn trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã Cẩm Sơn và xã Tường Sơn.

6.10. Cải tạo phục hồi môi trường đảm bảo cải tạo moong khai thác thành hồ chứa nước, yêu cầu phải đảm bảo khả năng chứa nước, lưu thông nước; đảm bảo mục đích phục vụ nuôi trồng thủy sản.

6.11. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu, tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của dự án; chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.

